

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners)
Cán bộ coi thi 1: Vũ T. Huân
Cán bộ coi thi 2: Lê Trọng Huy
G. Viên chấm thi 1: Lê Trọng Huy
G. Viên chấm thi 2: Nguyễn Thị Vinh

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603503)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 31...

Số bài thi:31...

Số tờ giấy thi: 3.4...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật	An	04/05/2005	CCQ2305D	1	AN	8.3	8.5	8.4	
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	29/10/2005	CCQ2305D			0.0			
3	2122110192	Lê Hữu Kế	Bửu	31/10/2004	CCQ2211E			0.0			
4	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D	1	Thanh	8.0	6.8	7.3	
5	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1	Ch	8.6	6.3	7.2	
6	2123050133	Hán Nhật	Cương	31/07/2005	CCQ2305C	1	Cuong	8.6	6.5	7.3	
7	2123050171	Não Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D	1	Diem	7.8	5.3	6.3	
8	2123050189	Lê Thanh	Đồng	18/06/2005	CCQ2305D			0.0			
9	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1	Đức	7.5	4.5	5.7	
10	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1	T.Đức	8.9	8.8	8.8	
11	2121110375	Trần Minh	Dũng	18/08/2003	CCQ2111A	1	Dung	8.0	5.0	6.2	
12	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D	1	Duy	7.3	8.8	8.2	
13	2123050167	Đặng Đức	Duy	08/11/2005	CCQ2305D	1	Đ	8.8	5.0	6.5	
14	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E	1	D	8.6	8.8	8.7	
15	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh	Duy	30/09/2005	CCQ2305D	1	Py	8.5	6.5	7.3	
16	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1	mai	8.7	7.5	8.0	
17	2123050134	Bá Trung	Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	1	trung	8.9	8.0	8.4	
18	2123050128	Trần Duy	Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	1	trung	8.2	8.8	8.6	
19	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	1	Hoa	7.9	8.8	8.4	
20	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	1	hu	7.2	7.5	7.4	
21	2123110512	Nguyễn Khánh	Hùng	25/11/2005	CCQ2311M	1	kh	6.1	8.0	7.2	
22	2122270115	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/12/2004	CCQ2227D	1	hu	7.7	9.5	8.8	
23	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1	Huy	6.4	8.8	7.8	
24	2123050110	Đỗ Tấn	Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	1	kh	7.7	9.3	8.7	
25	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	1	kh	8.5	7.5	7.9	
26	2122150020	Trần Minh	Khôi	30/07/2001	CCQ2215A	1	kh	7.8	9.0	8.5	
27	2123050135	Bá Trung	Lê	05/08/2005	CCQ2305C	1	trung	8.5	8.5	8.5	
28	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D	1	th	7.3	8.3	7.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Car
Đ.T. Hoàng Văn
Vũ T. Huân
Đ. Văn Ngọc
Nguyễn Huy
Tây T. Vinh

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603503)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 31...
Số bài thi:31...
Số tờ giấy thi: 31..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050138	Phạm Nguyễn Công	Luận	30/01/2005	CCQ2305C	1	<i>Car</i>	8.2	5.8	6.8	
30	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1	<i>Car</i>	7.8	7.8	7.8	
31	2123050109	Lâm Văn	Lực	29/01/2005	CCQ2305C	1	<i>Car</i>	8.8	7.5	8.0	
32	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D			0.0			
33	2123050141	Vũ Xuân	Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	1	<i>Nguyễn</i>	7.8	4.8	6.0	
34	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	1	<i>Nhật</i>	8.1	4.0	5.6	
35	2122100311	Hồ Ngọc	Nhi	27/01/2004	CCQ2220G			0.0			
36	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1	<i>Ninh</i>	8.0	6.0	6.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603503)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050143	Cao Lâm Triều	Phát	19/01/2004	CCQ2305D	1	Phát	8.6	5.5	6.7	
2	2123050121	Mai Võ Tuấn	Phong	10/09/2005	CCQ2305C			0.0			
3	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	Phúc	6.0	4.3	5.0	
4	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	2	Phúc	8.8	8.5	8.6	
5	2123050130	Nguyễn Thanh	Phúc	25/03/2004	CCQ2305C	1	Phúc	8.0	5.0	6.2	
6	2123050147	Phạm Huỳnh	Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1	Phúc	8.4	8.5	8.5	
7	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E	1	Phương	6.5	4.5	5.3	
8	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1	Quân	8.2	8.8	8.6	
9	2122270079	Ngô Thanh	Quang	14/04/2004	CCQ2227C	1	Quang	8.3	7.5	7.8	
10	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	Quang	7.4	5.5	6.3	
11	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	1	Quốc	8.6	5.5	6.7	
12	2123050107	Phạm Huỳnh	Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	1	Quốc	8.7	8.5	8.6	
13	2123050158	Quảng Đại	Sang	19/10/2005	CCQ2305D	1	Sang	8.6	8.5	8.5	
14	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1	Tân	6.9	5.8	6.2	
15	2123050157	Trương Ngọc	Thái	04/09/2005	CCQ2305D	1	Thụy	7.1	7.5	7.3	
16	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1	Thanh	8.9	8.8	8.8	
17	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1	Thành	6.6	8.3	7.6	
18	2122210006	Bùi Thị Linh	Thị	02/07/2004	CCQ2221E	1	Thị	7.1	7.8	7.5	
19	2123050191	Võ Triệu	Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	1	Thị	9.6	8.0	8.6	
20	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E			0.0			
21	2123050097	Nguyễn Văn	Thông	01/11/2005	CCQ2305C			0.0			
22	2122210001	Đặng Thị Bích	Thủy	01/04/2004	CCQ2221A	1	Thủy	6.1	5.5	5.7	
23	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E			0.0			
24	2123050187	Phạm Công	Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	1	Tiến	8.6	8.0	8.2	
25	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1	Toàn	7.8	6.0	6.7	
26	2123050102	Nguyễn Quốc	Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	1	Toàn	8.6	6.0	7.0	
27	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	1	Trọng	7.1	6.5	6.7	
28	2122170654	Lê Duy	Trung	15/06/2004	CCQ2217Q	1	Trung	7.9	7.0	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Soạn thảo văn bản (22603503)

Ngày thi: 23/07/2025

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trung	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	CCQ2305D	1	Thành	8.5	7.5	7.9	
30	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	CCQ2305D	1	Đan	5.5	8.0	7.0	
31	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	1	Duy	7.7	9.0	8.5	
32	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	Nguyệt	8.1	8.5	8.3	
33	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	1	Ngọc	8.5	5.8	6.9	
34	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	1	Minh	8.5	8.3	8.4	
35	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	Long	8.8	7.0	7.7	
36	2122270070	Đỗ Thị Ngọc	Yến	23/09/2004	CCQ2227C	1	Yến	6.1	5.5	5.7	